

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14/02/2022

Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Lệ Siêng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Phan Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký TAND thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 376/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2021/QĐXX-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đoàn Thị T, sinh năm 1978; Địa chỉ: khu phố X, phường Y, thành phố H, Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Nguyễn B, sinh năm 1975; Địa chỉ: khu phố X, phường Y, thành phố H, Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn Đoàn Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh B tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, huyện N, tỉnh Khánh Hòa, ngày 18 tháng 6 năm 2004. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh B trai gái, nhậu nhẹt, không lo chăm sóc gia đình; chị T đã bỏ qua nhiều lần nhưng anh B vẫn tính nết nào tạt nẩy; đỉnh điểm là tháng 3/ 2021 anh B trai gái bên ngoài, lấy tiền dành dụm của chị đi chơi, đến khi có mâu thuẫn bên ngoài anh đổ lỗi cho chị, về nhà đánh đập chị, các con can ngăn thì anh hăm dọa đánh giết. Lâu nay anh chị mạnh ai nấy sống, chị làm nuôi con, anh đi làm tự nuôi thân anh, không phụ lo gì cả. Nay chị T thấy cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt

được nên yêu cầu giải quyết ly hôn.

Về con chung: có 03 con chung Nguyễn Đoàn Trà M – sinh ngày 09 tháng 8 năm 1999, Nguyễn Đoàn Quỳnh N1 – sinh ngày 07 tháng 02 năm 2003, Nguyễn Đoàn Trúc L – sinh ngày 04 tháng 8 năm 2012; cháu M và cháu N1 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, cháu L hiện đang ở với tôi, yêu cầu giao cháu L cho chị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn Nguyễn B vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày nên Tòa không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý, thu thập chứng cứ từ khi thụ lý đến khi xét xử tuân thủ đúng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng khi tiến hành xét xử tại phiên tòa. Về nội dung: áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; có 03 con chung Nguyễn Đoàn Trà M – sinh ngày 09 tháng 8 năm 1999, Nguyễn Đoàn Quỳnh N1 – sinh ngày 07 tháng 02 năm 2003 đã trưởng thành nên không xem xét, giao 01 con chung chưa thành niên Nguyễn Đoàn Trúc L – sinh ngày 04 tháng 8 năm 2012 cho nguyên đơn nuôi dưỡng, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không xem xét; về án phí: đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân phường V, huyện N, tỉnh Khánh Hòa. Bị đơn cư trú tại phường Y, thành phố H, Phú Yên, nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.2] Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn B, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường V, huyện N, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 97/2004, quyền số 02 ngày 18 tháng 06 năm 2004 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị T và anh B đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Đoàn Trà M – sinh ngày 09 tháng 8 năm 1999, Nguyễn Đoàn Quỳnh N1 – sinh ngày 07 tháng 02 năm 2003, Nguyễn Đoàn Trúc L – sinh ngày 04 tháng 8 năm 2012, cháu M và cháu N1 đã trưởng thành, chị T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, hiện cháu L đang ở với chị T. Xét con chung Nguyễn Đoàn Trúc L vẫn còn nhỏ, có nguyện vọng ở với mẹ, chị T có yêu cầu nuôi con chung là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

[2.4] Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Đoàn Thị T. Chị Đoàn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn B.

2. Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Đoàn Trà M – sinh ngày 09/8/1999, Nguyễn Đoàn Quỳnh N1 – sinh năm 07-02-2003, Nguyễn Đoàn Trúc L – sinh ngày 04/8/2012, cháu M và cháu N1 đã trưởng thành nên không xem xét; cháu L đang ở với chị T. Giao chị Đoàn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Đoàn Trúc L, anh Nguyễn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn Đoàn Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004869 ngày 02/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- UBND phường V, huyện N, tỉnh Khánh Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Lệ Siêng